

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 6 - 2021

“V/v không công nhận là vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, bà Nguyễn Thị Chinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, về việc: “Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/ QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn S - sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị G, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại bản tự khai cũng như các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Đặng Văn S trình bày:

Tôi và bà Phan Thị G sau một thời gian tìm hiểu, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên chúng tôi tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ban đầu thì hạnh phúc. Tuy nhiên, nhiều năm trước thì giữa chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng về quan điểm, lối sống, thường xuyên cãi vã nhau nên tình cảm ngày càng xa cách. Do đó, chúng tôi đã sống ly thân cách đây khoảng 10 năm về trước. Nay xét thấy tình cảm không còn và xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau được nữa nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa tôi và bà Phan Thị G không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa tôi và bà G thì 03 con chung gồm: Cháu Đặng Thị Phương D, sinh ngày 12/4/1995, cháu Đặng Thị Phương N, sinh ngày 23/9/1998 và cháu Đặng Văn S, sinh ngày 05/8/2004. Hiện nay, cháu D và cháu N đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Đặng Văn S, sinh ngày 05/8/2004 thì hiện nay cháu S đang còn nhỏ nên nguyện vọng của tôi là giao

cháu cho bà Phan Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị G trình bày như sau: Tôi và ông Đặng Văn S sau một thời gian tìm hiểu, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên chúng tôi tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Từ khi tổ chức đám cưới thì chúng tôi về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do cách sống của hai người không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung nên tình cảm ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm của hai người không còn và tôi và ông Sanh không đăng lý kết hôn nên ông S đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa tôi và ông Đặng Văn S không phải là vợ chồng thì tôi đồng ý với ý kiến của ông S đưa ra mà không có ý kiến gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Như ông S trình bày là đúng sự thật, quá trình chung sống giữa tôi và ông S thì 03 con chung gồm: Cháu Đặng Thị Phương D, sinh ngày 12/4/1995, cháu Đặng Thị Phương N, sinh ngày 23/9/1998 và cháu Đặng Văn S, sinh ngày 05/8/2004. Hiện nay, cháu D và cháu N đã trưởng thành nên tôi cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Đặng Văn S, sinh ngày 05/8/2004 thì nguyện vọng của ông S là giao cháu cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì tôi đồng ý với ý kiến của ông S đưa ra. Nếu tôi được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S đến tuổi trưởng thành thì tôi không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Tôi đồng ý với ý kiến của ông S là ông S nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 5 năm 2021, cháu Đặng Văn S trình bày: Do bất đồng về quan điểm, lối sống nên bố mẹ cháu đã ly thân từ lâu. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống với nhau nữa thì nguyện vọng của cháu là chung sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vì ông S và bà G không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng và giải quyết về vấn đề nuôi con. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân mà tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa ông S và bà G là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà G sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm

quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông S có yêu cầu Tòa án tuyên bố ông và bà G không phải là vợ chồng thì xét thấy tình cảm giữa ông S và bà G không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận ông S và bà G là vợ, chồng.

[4] Về con chung: Ông S, bà Giang có 03 con chung là Cháu Đặng Thị Phương D, sinh ngày 12/4/1995, cháu Đặng Thị Phương N, sinh ngày 23/9/1998 và cháu Đặng Văn S, sinh ngày 05/8/2004. Hiện nay cháu D, cháu N đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra để xem xét. Riêng đối với cháu Đặng Văn S, sinh ngày 05/8/2004 thì bà G có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu S đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của ông S đồng ý giao cháu S cho bà G nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và ông không phải trợ cấp nuôi con. Tại bản tự khai ngày 17/5/2020 thì nguyện vọng của cháu Đặng Văn S là được sống với bà Phan Thị G. Xét thấy, để đảm bảo nguyện vọng của cháu và việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S thì cần giao cháu cho bà G được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và ông S không phải trợ cấp nuôi con cho bà G.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S, bà G đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 8 Điều 28, Điều 147 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 15; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. **Tuyên xử:** Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng của ông Đặng Văn S.

Tuyên bố không công nhận ông Đặng Văn S và bà Phan Thị G là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao cho bà Phan Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Văn S, sinh ngày 05/8/2004 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Đặng Văn S được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đặng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Phan Thị G.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Văn S, bà Phan Thị G không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Ông Đặng Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số 60AA/2021/0002784 ngày 27/4/2021.

7. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Phạm Minh Thuận